

Số: /BC-THPTPL Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học Phổ thông Phước Long
- Địa chỉ trụ sở chính: 18D đường Dương Đình Hội, khu phố 6, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 02837311996
 - Email: thptphuoclong@hcm.edu.vn
 - Cổng thông tin điện tử: <https://thptphuoclong.hcm.edu.vn/>
- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 3087/QĐ-UB-VX ngày 18/5/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:
 - Sứ mạng: “Xây dựng môi trường giáo dục có nề nếp, kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh có cơ hội phát triển năng lực và sự sáng tạo.”
 - Tầm nhìn: “Xây dựng trường tiên tiến, hiện đại, hội nhập khu vực.”
 - Giá trị:
 - Cán bộ, giáo viên, nhân viên: Kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, sáng tạo.
 - Học sinh: Đạo đức, tri thức; khát vọng vươn lên; năng động sáng tạo; hòa nhập cộng đồng.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Phước Long được thành lập theo Quyết định số 3087/QĐ-UB-VX ngày 18/5/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại đường Dương Đình Hội, Khu phố 6, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà trường luôn chú trọng công tác chuyên môn như đổi mới phương pháp giảng dạy, dạy học STEM, bồi dưỡng học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá. Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp để nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ

chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao tinh thần trách nhiệm đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên; xây dựng kỉ cương, nề nếp trong dạy học; đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và giáo dục, đổi mới kiểm tra đánh giá và đổi mới trong sinh hoạt chuyên môn. Những năm qua nhà trường đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như tỷ lệ đậu Tốt nghiệp Trung học phổ thông Quốc gia luôn có vị trí cao trong Cụm, tỷ lệ học sinh đậu vào các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trên 90%; hằng năm luôn có học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp Thành phố, Hội thi Olympic Tháng 4, Cuộc thi Học sinh giỏi giải toán trên máy tính cầm tay, thể dục thể thao và các kỳ thi khác.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Vũ Thị Hồng Châu
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: 18D đường Dương Đình Hội, khu phố 6, phường Phước Long B, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 0948761186
- Email: hongchau_np@yahoo.com.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Trường THPT Phước Long được thành lập theo Quyết định số 3087/QĐ-UB-VX ngày 18/5/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thuộc loại hình trường phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường: Hội đồng trường được công nhận theo Quyết định số 2529/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Hiệu trưởng: Bà Vũ Thị Hồng Châu được bổ nhiệm theo Quyết định số 573/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phó Hiệu trưởng: Bà Mai Tuyết Vân, được bổ nhiệm theo Quyết định số 822/QĐ-SGDĐT ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Phó Hiệu trưởng: Ông Võ Duy Tâm, được bổ nhiệm theo Quyết định số 2699/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

[illegible]

8	Nhân viên CNTT													
9	Nhân viên khác	11			3	1		7						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	42	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	42	1
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	6	0,15
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/phòng	1
8	Bình quân học sinh/lớp	45/lớp	45
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11792,5m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2304	
VI	Tổng diện tích các phòng	2618	
1	Diện tích phòng học (m ²)	52 m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	492m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	462 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	32m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	82	Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	16	
1.2	Khối lớp 11	23	
1.3	Khối lớp 12	43	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	18	
2.1	Khối lớp 10	12	
2.2	Khối lớp 11	4	
2.3	Khối lớp 12	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	150	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	28	
2	Cát xét	05	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	14	
5	Thiết bị khác...	0	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1 theo Quyết định số 1253-51/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Báo cáo cải tiến chất lượng năm học 2023 – 2024 số 149/BC-THPT ngày 10 tháng 9 năm 2024.

Thực hiện cải tiến chất lượng theo Kế hoạch số 148/KH-THPTPL ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Phước Long.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	Ghi chú
I	Kết quả tuyển sinh lớp 10 Năm học 2024 - 2025	Số lớp: 17 Số học sinh: 767			
II	Số học sinh	767	544	509	
III	Số lượng học bình quân/lớp	45,1	45,3	42,4	
IV	Số học sinh học 02 buổi/ngày	767	544	509	
V	Số học sinh nam	363	275	262	
VI	Số học sinh nữ	404	269	247	
VII	Số học sinh là người dân tộc thiểu số	5	2	2	
VIII	Số học sinh khuyết tật	15	8	7	
IX	Số học sinh chuyển đi	3	5	0	
X	Số học sinh chuyển đến	0	6	0	

2. Kết quả đánh giá học sinh

a) Kết quả rèn luyện

STT	Lớp	Tổng số HS	Nữ	RÈN LUYỆN/HẠNH KIỂM							
				TỐT		KHÁ		T.BÌNH/ĐẠT		YẾU/C.ĐẠT	
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	TOÀN TRƯỜNG	1618	797	1499	92.65	112	6.92	5	0.31	1	0.06
2	TỔNG KHỐI 10	542	270	499	92.07	39	7.20	3	0.55	1	0.18
3	TỔNG KHỐI 11	509	247	455	89.39	52	10.22	2	0.40		

4	TỔNG KHỐI 12	567	280	545	96.12	21	3.70	1	0.18		
---	--------------	-----	-----	-----	-------	----	------	---	------	--	--

b) Kết quả học tập

STT	Lớp	Tổng số HS	Nữ	HỌC LỰC							
				TỐT		KHÁ		T.BÌNH/ĐẠT		YẾU/C.ĐẠT	
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	TOÀN TRƯỜNG	1618	797	762	47.10	732	45.24	121	7.48	3	0.19
2	TỔNG KHỐI 10	542	270	224	41.33	277	51.11	40	7.38	1	0.18
3	TỔNG KHỐI 11	509	247	266	52.26	190	37.33	51	10.02	2	0.39
4	TỔNG KHỐI 12	567	280	272	47.97	265	46.74	30	5.29		

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo (từ tháng 01 đến tháng 8/2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	38.655.029.569	41.674.566.029
I	Thu từ ngân sách nhà nước	25.721.164.000	23.414.564.000
II	Thu Học phí và các khoản thu khác	12.710.064.587	17.830.004.201
1	- Học phí công lập	3.732.060.000	4.275.235.000
2	- Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	745.732.500	1.171.591.000
3	- Tổ chức học buổi 2/ngày	2.547.467.000	3.362.967.000
4	- Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (Tiếng Anh)	1.021.430.000	1.345.504.000
5	- Tổ chức dạy Kỹ năng sống	427.380.000	421.166.000
6	- Tiếng Nhật	2.550.000	43.247.500
7	- Tiếng Hàn	900.000	26.892.500
8	- Tiếng Đức	3.300.000	13.425.000

9	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án " Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông TP.HCM theo định hướng chuẩn quốc tế giai đoạn 2021-2030 (Tin học MOS)	692.630.000	727.521.000
10	- Tổ chức dạy OTTN THPT	564.968.000	575.757.000
11	- Nước uống học sinh	102.691.888	171.861.000
12	- Tiền BHTN học sinh	4.200.000	161.814.000
13	- Tiền BHYT học sinh	18.480.017	1.029.263.813
14	- Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (liên lạc điện tử)	302.902.000	216.175.000
15	- Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền thuê, tiền điện)	696.084.563	597.263.000
16	-Tiền học phẩm	9.055.000	93.547.000
17	-Lệ phí thi chứng chỉ Mos		445.190.000
18	- Tài trợ		182.828.000
19	- Quỹ khác	91.779.000	195.196.000
20	-Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu		46.110.000
21	-Tiền tổ chức dạy thể dục tự chọn	28.300.000	56.450.000
22	- Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	200.000	123.400.000
23	- Tiền suất ăn trưa học sinh bán trú	1.717.954.619	2.547.600.388
III	Thu khác	223.800.982	429.997.828
1	Căn tin - bãi xe	212.500.000	403.750.000
2	Lãi ngân hàng	11.300.982	26.247.828
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	20.150.756.329	41.674.566.029
I	Chi lương, thu nhập	15.623.728.022	25.724.726.534
1	Chi lương, thu nhập của giáo viên	14.978.451.022	24.256.686.954
2	Chi lương, thu nhập của quản lý và nhân viên	645.277.000	1.468.039.580
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	4.527.028.307	15.949.839.495
1	Chi cho đào tạo	90.000.000	
4	Chi phí chung và chi khác	4.437.028.307	15.949.839.495
II	Chi hỗ trợ người học	0	16.200.000
1	Hỗ trợ chi phí học tập	0	16.200.000

D	Số dư các quỹ	3.878.368.946	5.007.948.079
1	Phát triển hoạt động sự nghiệp	1.919.976.042	2.230.355.562
2	Quỹ khen thưởng	616.715.340	793.705.340
3	Quỹ Phúc lợi	918.946.941	1.482.816.941
4	Quỹ Bổ sung thu nhập	422.730.623	501.070.236

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Xây dựng kế hoạch giảng dạy đúng theo qui định của chương trình môn học của Bộ GDĐT, linh hoạt trong việc thực hiện khung phân phối chương trình để đưa các nội dung dạy học theo chủ đề tích hợp, chủ đề GD STEM, các chủ đề dạy học trải nghiệm, tiết học ngoài nhà trường; thống nhất và nâng cao các bài dạy cho phù hợp; tùy vào năng lực, mức tiếp thu của từng đối tượng học sinh, thống nhất việc gia giảm thời lượng cho từng nội dung bài cụ thể, đảm bảo thời lượng dạy học 35 tuần thực học và chuẩn kiến thức kỹ năng.

Thực hiện các hoạt động giáo dục đạt được các thành tích như sau:

- + 11 học sinh đạt giải Ba kỳ thi học sinh Giỏi lớp 12 cấp Thành phố.
- + 12 học sinh đạt huy chương Bạc, Đồng giải Olympic tháng 4 cấp Thành phố.
- + 03 học sinh đạt giải Ba kỳ thi học sinh Giỏi giải Toán trên máy tính cầm tay.
- + 01 giải Hai học sinh nghiên cứu khoa học cấp Thành phố.
- + 01 giải Ba học sinh nghiên cứu khoa học cấp Thành phố.
- + 01 học sinh đạt giải Ba Microsoft Word 2019 cuộc thi vô địch Tin học văn phòng MOS UEF lần 5 năm học 2023 2024.

Tổ chức Hội thi Văn nghệ, dân vũ, làm thiệp, cắm hoa, trang trí nón lá, làm thiệp xuân trong HS.

Giáo dục tích hợp, lồng ghép: Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy cụ thể cho từng chương, bài, từng nội dung tích hợp, lồng ghép. Mỗi bộ môn lựa chọn nội dung phù hợp. Thực hiện một số nội dung về giáo dục đạo đức, pháp luật, giáo dục ATGT, khởi nghiệp, biến đổi khí hậu vào các bài giảng, giáo dục cho học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh chung, nơi công cộng, không vứt rác bừa bãi, ý thức bảo vệ môi trường, giáo dục biển đảo. Tất cả các tổ bộ môn tổ chức được các chuyên đề vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Hoạt động CLB học thuật của cả 3 khối HS; tổ chức hoàn thiện kiến thức cho học sinh yếu, kém; học sinh và giáo viên cùng trao đổi những nội dung cần làm rõ trong bài học, học sinh có thời gian nhiều hơn để rèn luyện kiến thức, điểm các bài kiểm tra của học sinh có cải thiện và tiến bộ hơn.

Hoạt động CLB năng khiếu - TDTT cả 3 khối HS: 417 HS khối 10, 409 HS khối 11, chọn một trong các môn: bóng rổ, bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn, nhiếp ảnh, văn nghệ, lửa hồng, văn học 02 tiết/tuần sau các buổi học chiều thứ 4, và sáng thứ 7.

Kết quả thi đua:

- Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Công đoàn cơ sở: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Đoàn Thanh niên, Chi đoàn giáo viên: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Chính quyền: Tập thể lao động xuất sắc.

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo (báo cáo);
- Ban Lãnh đạo;
- Công khai website trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Hồng Châu